

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ SAAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ SAAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAAN TECHNOLOGY SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SAAN TECH.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110076361

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 323A An Dương Vương, Tổ 17 Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975225483

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>- Hệ thống âm thanh;<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy;                                                                                                                                                                  | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4520        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                        | 4530        |
| 6.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4542        |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4543        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; | 4649        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652(Chính) |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;</li> <li>- Bán buôn xi măng;</li> <li>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng;</li> <li>- Bán buôn sơn, véc ni;</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim;</li> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 13. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn tơ, xơ dẹt;</li> <li>- Bán buôn sợi dẹt đã xe.</li> <li>- Bán buôn phụ liệu may mặc: mex dựng, độn vai, canh tóc, khoá kéo...;</li> <li>- Bán buôn phụ liệu giày dép: mũ giày, lót giày, đế giày, đinh bấm...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 14. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động hỗ trợ khác cho kinh doanh chưa được phân vào đâu</li> </ul> <p>+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299 |
| 15. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Tư vấn đấu thầu, chọn thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);</li> <li>- Thẩm định các dự án, hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh);</li> <li>- Thiết kế kết cấu: đối với các công trình dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Tư vấn đấu thầu;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế đường dây và trạm biến áp ;</li> <li>- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;</li> <li>- Thiết kế xây dựng hệ thống cấp thoát nước;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> </ul> | 7110 |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4722 |
| 19. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811 |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1812 |
| 21. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592 |
| 22. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2610 |
| 23. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2620 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2640 |
| 25. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2670 |
| 26. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2732 |
| 27. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2740 |
| 28. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5820 |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7730 |
| 30. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3311 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3313 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3319 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 36. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4741 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;<br>+ Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu...<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su | 4752 |
| 41. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ điện gia dụng: nồi cơm điện, ấm đun điện, phích điện, quạt, tủ lạnh, máy giặt...;</li> <li>- Bán lẻ đèn và bộ đèn điện.</li> <li>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế bằng mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng nội thất tương tự: Kệ, giá sách...</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan;</li> <li>- Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.</li> </ul> | 4759 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRỊNH THỊ TÂM | Khu phố 3, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bắc Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 2.000      | 20.000.000            | 1,000     | 172641794                                                                                   |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Tổng số                   | 2.000      | 20.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                     |                           |         |               |        |           |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 2 | NGUYỄN ĐĂNG THỊNH | Thôn Nghiêm Xá, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 98.000  | 980.000.000   | 49,000 | 125269767 |
|   |                   |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Tổng số                   | 98.000  | 980.000.000   | 49,000 |           |
| 3 | BÙI VIỆT HOÀNG    | Tổ 4, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 50,000 | 013640611 |
|   |                   |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                     | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 50,000 |           |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG THỊNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/09/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *125269767*

Ngày cấp: *06/12/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Ninh*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Nghiêm Xá, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Nghiêm Xá, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội